

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026 (ĐỢT 1)
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày / /2026 của Sở Tài chính)

DVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Bao gồm																															
		Tổng cộng bổ sung có mục tiêu trong 06 tháng đầu năm 2025	Phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện chi chế độ chính sách cho người có công với cách mạng năm 2026 theo Quyết định số 250/QĐ- UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh	Phân bổ kinh phí thực hiện chuyển giao Trạm Y tế xã, phường thuộc Trung tâm Y tế khu vực về trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý năm 2026 theo Quyết định số 282/QĐ- UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho ngân sách phường, xã để thực hiện chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2026 theo Quyết định số 346/QĐ- UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh	Hỗ trợ kinh phí trang trí đường hoa Xuân Bình Ngø năm 2026 tại phường Bình Phước theo Công văn số 1759/U- BND- KTNS ngày 02/02/2 026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 64/QĐ- STC ngày 10/02/2026 của Sở Tài chính	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường theo Quyết định số 647/QĐ- UBND ngày 11/02/202 6 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho phường Trần Biên để thành toán tiền bảo hành kết hợp trang trí đèn nghệ thuật tại một số tuyến đường giao thông trên địa bàn TP. Biên Hòa cũ theo Công văn số 1239/UBND- KTNS ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/ ND-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 922/QĐ- UBND ngày 17/3/20 26 của UBND tỉnh -	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 1520/QĐ- UBND ngày 17/3/20 26 của UBND tỉnh -	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 205/QĐ- UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh -	Bổ sung kinh phí lập quy hoạch cho các xã, phường năm 2026 (đợt tháng 04/2026) theo Quyết định số 205/QĐ- UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh thành phố -	Bổ sung kinh phí để an quản lý và xử lý khối hồ sơ, tài liệu đã được tổ chức trước khi sắp xếp tổ chức cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 105/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung nguồn vốn xã hội hóa cho xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 26/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án Duy tu, sửa chữa, đảm bảo hạ tầng giao thông, kiến thiết thị chính thể Quyết định số 103/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án Duy tu, sửa chữa, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo Quyết định số 104/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Nghĩa Trung theo VB số 6533/UB ND- KTNS ngày 22/4/2026	Bổ sung kinh phí sửa chữa, cải tạo các Trường xã Bù Đang và xã Nghĩa Trung theo VB số 461/UBND- D-KTNS ngày 11/5/2026	Bổ sung kinh phí sửa chữa, cải tạo các trụ sở làm việc trung tâm hành chính phường Bình Phước theo theo VB số 2289/U- BND- KTNS ngày 04/6/20 26	Bổ sung kinh phí công trình phục lợi các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo QĐ số 1767/QĐ- UBND ngày 20/10/202 5 và QĐ 3379/QĐ- UBND ngày 30/12/202 5	Bổ sung kinh phí sửa chữa tuyến đường Lò Gạch - cầu nước Trong tại ấp 5, ấp 7 xã An Phước theo theo VB số 1000/UB ND- KTNS ngày 26/06/20 26 (STC đang trình tại VB 154/2)	Bổ sung kinh phí để thực hiện quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố được giao cho UBND các xã, phường quản lý theo Quyết định số 1000/UBND ngày 26/06/2026 (STC đang trình tại VB 115/TTr)	Bổ sung kinh phí tuyến đường tại tổ 3, khu phố 8 phường Long Hưng theo VB D-KTNS ngày 06/202 6 (STC đang trình tại VB 1299)	Bổ sung kinh phí cho Tiểu đội, Trung đội dân quân thường trực Khu công nghiệp theo QĐ473./ QĐ- UBND ngày 29/5/2026	Bổ sung kinh phí cải tạo, sửa chữa Chợ sắt và xây dựng chợ tạm phường Long Bình theo VB D-KTNS ngày 06/202 6 (STC đang trình tại VB 1389)	Phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện chi chế độ chính sách cho người có công với cách mạng đợt 2 - năm 2026 theo theo Quyết định số 1000/UB ND- KTNS ngày 26/06/20 26 của UBND tỉnh (STC đang trình tại 283/TTr)	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 47/QĐ- STC ngày 04/06/2026 của STC	Thu hồi kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 47/QĐ- STC ngày 04/06/2026 của STC	Bổ sung kinh phí quy hoạch cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 1000/QĐ- UBND ngày 26/06/20 26 của UBND tỉnh (STC đang trình tại VB 233/TTr)	Bổ sung kinh phí cho phường Long Hưng theo VB D-KTNS ngày 15/5/2026	Bổ sung kinh phí tổ chức Lễ công bố quyết định xếp hạng Di tích quốc gia theo theo VB D-KTNS ngày.... /6/2026 (STC đang trình tại VB 1466)	Bổ sung kinh phí cho các phường, xã còn thiếu so với dự toán giao đầu năm
	Tổng cộng	3.998.350	615.756	514.862	152.184	1.500	280.639	31.189	413	28.304	5.674	8.416	30.246	36.237	203.167	374.527	489.018	10.000	18.500	9.800	95.000	8.325	23.464	14.990	83.396	26.982	64.590	2.263	-49.978	42.263	18.819	326	857.478
1	An Lộc	57.220	8.501	4.316	1.166	0	3.255	0	0	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0	113	0	0	0	1.363	0	-321	0	0	0	28.827	
2	An Phước	55.783	7.481	4.814	1.896	0	3.272	0	0	0	917	0	0	0	0	9.708	0	0	0	0	8.325	161	0	8.971	0	1.193	0	-1.134	0	0	0	10.180	
3	An Viễn	29.216	3.641	3.929	710	0	2.281	0	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0	0	0	0	4.486	0	522	0	-203	0	0	0	3.850	
4	Bảo Vinh	38.324	5.921	5.064	722	0	2.931	0	0	0	0	0	0	0	4.299	5.400	0	0	0	0	0	129	0	4.486	0	803	0	-669	0	0	0	9.239	
5	Bầu Hàm	22.183	3.701	7.215	694	0	2.793	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	896	0	0	0	270	0	-3	0	0	0	6.617	
6	Biên Hòa	37.304	6.401	6.305	2.776	0	2.812	0	0	0	0	0	0	2.233	0	10.000	0	0	0	0	0	147	0	0	0	1.018	0	-200	0	0	0	5.812	
7	Bình An	26.282	4.121	4.014	2.049	0	2.084	0	0	0	0	0	0	0	2.241	7.759	0	0	0	3.000	0	0	0	0	0	453	0	-491	0	0	0	1.053	
8	Bình Lộc	44.642	6.521	4.732	2.555	0	2.406	0	0	0	0	5.184	0	674	8.500	1.500	0	0	0	3.000	0	606	0	0	0	689	0	-91	0	0	0	8.367	
9	Bình Long	41.739	8.801	6.199	2.089	0	2.989	0	0	0	0	0	0	0	7.000	3.000	0	0	0	0	0	233	0	0	0	1.235	0	-515	0	0	0	10.708	
10	Bình Minh	35.670	4.841	5.044	955	0	2.935	0	0	0	0	0	0	0	0	4.953	0	0	0	4.000	0	0	0	4.486	0	291	0	-581	0	0	0	8.747	
11	Bình Phước	85.685	18.941	8.366	4.487	1.500	5.061	0	0	372	0	0	0	3.870	0	5.000	5.000	0	9.800	0	0	70	0	0	0	2.018	0	-1.912	0	0	0	23.112	
12	Bình Tân	31.021	4.661	4.192	1.210	0	2.789	0	0	261	0	0	0	869	0	3.300	6.551	0	0	0	0	29	0	0	0	321	0	-206	478	0	0	6.567	
13	Bom Bo	35.520	2.441	4.236	289	0	2.707	0	0	0	0	0	0	1.519	0	7.200	2.800	0	0	0	0	2.853	0	0	0	343	0	-62	0	0	206	10.987	
14	Bù Đăng	42.661	6.221	5.223	1.196	0	3.014	0	0	2.071	0	0	0	0	0	5.600	4.400	0	7.000	0	0	126	0	0	0	589	0	-503	0	0	6	7.719	
15	Bù Gia Mập	36.815	761	4.451	157	0	1.539	0	0	154	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0	29	0	0	0	115	0	-160	450	0	3	19.316	
16	Cẩm Mỹ	42.525	7.601	7.677	2.106	0	2.246	0	0	503	0	0	0	0	924	5.000	5.000	0	0	0	0	81	0	0	0	1.076	0	-225	0	0	0	10.537	
17	Chơn Thành	34.224	6.041	4.861	1.201	0	2.628	0	0	745	0	0	0	0	5.000	5.000	0	0	0	0	71	0	2.857	0	1.219	0	-305	0	0	0	0	4.907	
18	Đa Kія	49.609	5.441	6.468	841	0	2.972	0	0	0	0	0	0	0	6.000	4.000	0	0	0	0	57	0	0	0	1.347	0	-746	655	0	0	22.574		
19	Đại Phước	37.802	3.881	6.942	1.168	0	4.323	0	0	0	0	0	0	2.495	0	2.700	7.300	0	0	0	0	347	0	4.486	0	1.401	0	-815	0	0	0	3.575	
20	Đak Lua	30.705	2.441	1.797	249	0	1.438	0	0	0	0	0	0	409	14.688	0	2.230	0	0	0	2.000	0	0	0	44	0	-161	0	0	0	5.571		
21	Đak Nhau	28.236	1.421	4.976	279	0	2.106	0	0	0	0	0	0	0	6.500	3.500	0	0	0	0	29	0	0	0	127	0	-412	423	0	3	9.283		
22	Đăk Ō	59.182	2.441	4.279	227	0	2.052	0	0	0	0	0	378	0	10.000	0	0	0	0	0	29	0	0	0	44	0	-374	0	0	0	40.107		

STT	Đơn vị	Bao gồm																															
		Tổng cộng bổ sung có mục tiêu trong 06 tháng đầu năm 2025	Phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện chỉ chế độ chính sách cho người có công với cách mạng năm 2026 theo Quyết định số 250/QĐ- UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh	Phân bổ kinh phí thực hiện chuyển Y tế xã, phường thuộc Trung tâm Y tế khu vực về trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý năm 2026 theo Quyết định số 282/QĐ- UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho ngân sách phường, xã để thực hiện chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2026 theo Quyết định số 346/QĐ- UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh	Hỗ trợ kinh phí trang trí đường hoa Xuân Bình Ngô năm 2026 tại phường Bình Phước theo Công văn số 1759/U BND- KTNS ngày 02/02/2 026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Quốc hội khóa XVI về tỉnh Đông Nai theo Quyết định số 64/QĐ- STC ngày 10/02/2026 của Sở Tài chính	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 647/QĐ- UBND ngày 11/02/202 6 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho phường toán tiền bảo hành công trình: Tạo điểm nhân kết hợp trang trí đèn nghệ thuật tại một số đường giao thông trên địa bàn TP. Biên Hòa cũ theo Công văn số 1239/UBND -KTNS ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí tỉnh giữ biên chế theo Nghị định số 154/2025/ ND-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ	Bổ sung kinh phí cho các xã năm 2026 theo Quyết định số 922/QĐ- UBND ngày 17/3/20 26 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 1520/Q Đ- UBND ngày 17/4/20 26 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí lập quy hoạch cho các xã, phường năm 2026 (đợt tháng 04/2026) theo Quyết định số 205/QĐ- UBND ngày 15/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí Đề án duy tu, sửa chữa, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị trước khi sắp xếp tổ chức cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 105/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung nguồn vốn xã hội hóa cho xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 26/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án Duy tu, sửa chữa, đảm bảo hạ tầng giao thông, kiến thiết thị chính theo Quyết định số 103/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí sửa chữa, cải tạo các trường sở Đảng và Xã Nghĩa Trung theo VB số 6533/UB ND- KTNS ngày 22/4/2026	Bổ sung kinh phí sơn mực các trụ sơ làm việc trung tâm hành chính phường Bình Phước theo theo VB 2289/U BND- KTNS ngày 04/6/20 26	Bổ sung kinh phí công trình phục lợi hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo QĐ 1767/QĐ- UBND ngày 20/10/202 5 và QĐ 3379/QĐ- UBND ngày 30/12/202 5	Bổ sung kinh phí sửa chữa tuyến đường Lô Gạch - cầu nước Trong tại ấp 5, ấp 7 xã An Phước theo theo VB/UB ND- KTNS ngày/6/20 26 (STC đang trình tại VB 1542/)	Bổ sung kinh phí để thực hiện quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố được giao cho UBND các xã, phường quản lý theo VB/UBND (STC đang trình tại VB 115/TTtr)	Bổ sung kinh phí sửa chữa tuyến đường tại tổ 3, 8 phường Long Hưng theo VB/UBND D-KTNS ngày/6/202 6 (STC đang trình tại VB 1299)	Bổ sung kinh phí cho Tiểu đội, Trung đội dân quân thường trực Khu công nghiệp theo QĐ473./ QĐ- UBND- KTNS ngày 29/5/2026	Bổ sung kinh phí cải tạo, sửa chữa, Chợ sặt và xây dựng chợ tạm phường Long Bình theo VB/UBND ngày/6/202 6 (STC đang trình tại VB 1389)	Phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện chế độ chính sách cho người có công với cách mạng đợt 2 - năm 2026 theo Quyết định số/Q Đ-UBND ngày/06/20 26 của UBND tỉnh (STC đang trình tại 283/TTtr)	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Quốc hội khóa XVI về tỉnh Đông Nai theo Quyết định số 47/QĐ- STC ngày 04/06/202 6 của STC	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Quốc hội khóa XVI về tỉnh Đông Nai theo Quyết định số 47/QĐ- STC ngày 04/06/202 6 của STC	Bổ sung kinh phí quy hoạch cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số/QĐ- UBND ngày/6/20 26 của UBND tỉnh (STC đang trình tại VB 233/TTtr)	Bổ sung kinh phí tổ chức Lễ công bố quyết định xếp hạng Đi tích quốc gia theo Vb/U BND- KTNS ngày/6/2026 (STC đang trình tại VB 1466)	Bổ sung kinh phí cho các phường, xã còn thiếu số với dự toán giao dầu năm			
23	Dầu Giầy	72.309	10.721	8.339	2.342	0	3.768	0	0	1.073	4.820	0	0	0	16.774	0	10.000	0	0	0	2.000	0	257	0	4.486	0	1.351	0	-728	0	0	0	7.106
24	Định Quán	108.489	12.281	8.002	3.117	0	2.784	0	0	0	0	0	0	2.320	38.269	0	9.970	0	0	0	0	0	702	0	0	0	1.321	309	0	916	0	0	28.497
25	Đồng Phú	72.226	8.141	5.816	1.110	0	2.686	0	0	0	0	0	0	1.388	0	6.300	3.700	0	0	0	0	29	0	1.429	0	502	0	-677	0	0	0	41.803	
26	Đồng Tâm	33.625	4.721	4.043	790	0	2.948	0	0	0	0	0	0	0	0	4.000	6.000	0	0	0	0	29	0	0	0	456	0	-204	491	0	0	10.352	
27	Đồng Xoài	37.661	6.161	4.316	1.021	0	2.219	0	0	0	0	0	0	0	0	6.800	3.200	0	0	0	0	0	1.429	0	2.581	0	-119	0	0	0	0	10.053	
28	Gia Kiêm	35.435	2.081	6.255	545	0	2.170	0	0	3.332	0	0	0	0	0	7.000	2.990	0	0	0	4.000	0	0	0	241	241	0	0	0	0	0	6.580	
29	Hàng Gòn	34.253	3.221	3.979	1.144	0	2.966	0	0	0	0	0	0	0	0	6.435	3.550	0	0	0	0	458	0	0	0	608	0	-604	7.444	0	0	5.053	
30	Hố Nai	42.938	3.521	4.311	1.300	0	4.431	0	0	221	0	0	0	0	0	2.126	7.874	0	0	0	0	0	0	0	267	0	-1.788	4.443	0	0	0	16.233	
31	Hưng Phước	22.956	1.481	2.564	399	0	2.045	0	0	0	0	0	0	652	0	2.660	0	0	0	0	0	101	0	0	274	0	-279	0	0	0	0	13.058	
32	Hưng Thịnh	29.213	5.321	7.381	994	0	2.744	0	0	0	0	0	0	0	0	3.500	0	0	0	5.000	0	0	0	444	0	-321	0	0	0	0	4.149		
33	La Ngà	79.981	3.521	5.062	1.743	0	2.040	0	0	271	0	0	0	821	53.746	0	10.000	0	0	0	0	71	0	0	165	0	-80	0	0	0	2.622		
34	Lộc Hưng	19.628	4.841	4.415	564	0	2.692	0	0	489	0	0	0	0	0	2.900	0	0	0	0	0	71	0	0	628	0	-364	442	0	0	2.951		
35	Lộc Ninh	41.416	6.341	4.241	1.800	0	2.929	0	0	519	818	0	4.294	0	0	6.500	3.500	0	0	0	0	1.945	0	0	1.189	0	-185	0	0	0	7.527		
36	Lộc Quang	33.418	4.361	4.430	526	0	2.461	0	0	0	0	0	0	0	0	2.000	6.000	0	0	0	0	324	0	0	456	0	-487	0	0	0	13.348		
37	Lộc Tấn	35.288	5.081	4.228	855	0	2.734	0	0	44	0	0	0	0	0	6.300	0	0	0	0	0	203	0	0	684	0	-535	490	0	0	0	15.205	
38	Lộc Thành	20.458	2.501	4.372	271	0	2.450	0	0	0	0	0	0	638	0	10.000	0	0	0	0	0	2.728	0	0	354	0	0	0	380	0	0	-3.234	
39	Lộc Thạnh	19.014	941	4.121	157	0	2.267	0	0	0	0	0	0	0	0	2.000	0	0	0	0	154	0	0	119	0	-567	0	0	0	0	9.823		
40	Long Bình	80.575	20.081	6.624	5.446	0	5.635	2.657	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	29	0	4.486	26.982	1.224	0	0	0	0	0	0	7.412	
41	Long Hà	22.283	4.301	3.386	1.151	0	1.901	0	0	519	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	29	0	0	397	69	463	0	3	10.065				
42	Long Hưng	83.833	13.721	5.542	4.382	0	2.833	0	0	3.860	0	0	0	0	0	9.942	0	0	0	0	81	14.990	0	2.235	0	-205	0	18.819	0	7.632			
43	Long Khánh	60.906	19.961	9.301	3.547	0	3.673	0	0	0	0	0	0	0	0	4.084	5.916	0	0	0	0	1.392	0	0	2.032	0	-3	297	0	0	10.707		
44	Long Phước	30.993	6.761	4.005	1.547	0	3.204	0	0	0	0	0	0	0	0	6.000	4.000	0	0	0	2.000	0	773	0	0	1.005	0	-976	0	0	0	2.674	
45	Long Thành	45.001	11.441	6.074	4.033	0	3.491	0	0	0	0	0	0	0	340	0	9.942	0	0	0	0	353	0	4.486	0	902	0	-687	0	0	0	4.628	
46	Minh Đức	23.362	2.561	3.403	646	0	2.458	0	0	0	0	0	0	0	0	6.000	4.000	0	0	0	0	71	0	0	430	0	-216	0	0	0	4.010		
47	Minh Hưng	28.837	6.881	3.426	880	0	2.645	0	0	0	0	0	0	2.007	0	10.000	0	0	0	0	0	0	1.429	0	226	0	-190	0	0	0	1.534		
48	Nam Cát Tiên	28.792	6.401	4.572	728	0	1.384	0	0	0	0	0	0	880	0	0	8.000	0	0	0	5.000	0	0	0	115	0	-55	0	0	0	1.768		
49	Nghĩa Trung	59.446	4.361	5.956	584	0	3.393	0	0	2.709	0	0	0	0	0	6.500	3.500	10.000	11.500	0	0	71	0	0	643	0	-986	0	0	0	11.216		

STT	Đơn vị	Tổng cộng bổ sung có mục tiêu trong 06 tháng đầu năm 2025	Bao gồm																																
			Phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện chi chế độ chính sách cho người có công với cách mạng năm 2026 theo Quyết định số 250/QĐ- UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh	Phân bổ kinh phí thực hiện chuyển Y tế xã, phường thuộc Trung tâm Y tế khu vực về trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý năm 2026 theo Quyết định số 282/QĐ- UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho ngân sách phường, xã để thực hiện chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2026 theo Quyết định số 346/QĐ- UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh	Hỗ trợ kinh phí trang trí đường hoa Xuân Bình Ngô năm 2026 tại phường Bình Phước theo Công văn số 1759/U BND- KTNS ngày 02/02/2 026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 64/QĐ- STC ngày 10/02/2026 của Sở Tài chính	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 647/QĐ- UBND ngày 11/02/202 6 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí để thanh toán tiền bảo hành công trình: Tạo điểm nhân kết hợp trang trí đèn nghệ thuật tại một số đường giao thông trên địa bàn TP. Biên Hòa cũ theo Công văn số 1239/UBND -KTNS ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường theo Quyết định số 922/QĐ- UBND ngày 17/3/20 26 của UBND tỉnh -	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 1520/Q Đ- UBND ngày 17/4/20 26 của UBND tỉnh -	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 205/QĐ- UBND ngày 15/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí lập quy hoạch cho các xã, phường năm 2026 (đợt tháng 04/2026)	Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án duy tu, sửa chữa, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị trước khi sắp xếp tổ các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 105/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án duy tu, sửa chữa, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo Quyết định số 104/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Nghĩa Trung theo VB số 6533/UB ND- KTNS ngày 22/4/2026	Bổ sung kinh phí sửa chữa, cải tạo các Trường xã Bù Đang và xã Nghĩa Trung theo VB số 461/UBND D-KTNS ngày 11/5/2026	Bổ sung kinh phí sơn mực các trụ sơ làm việc trung tâm hành chính phường Bình Phước theo theo VB 2289/U BND- KTNS ngày 04/6/20 26	Bổ sung kinh phí công trình phục lợi hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo QĐ 1767/QĐ- UBND ngày 20/10/202 5 và QĐ 3379/QĐ- UBND ngày 30/12/202 5	Bổ sung kinh phí sửa chữa tuyến đường Lô Gạch- cầu nước Trong tại ấp 5, ấp 7 xã An Phước theo theo VB ND- KTNS ngày/6/2 026 (STC đang trình tại VB 1542)	Bổ sung kinh phí để thực hiện quản lý các công trình công cộng liệt sĩ, mộ đì tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố được giao cho UBND các xã, phường quản lýtheo VB ND- KTNS ngày/6/2026 (STC đang trình tại VB 115/TTtr)	Bổ sung kinh phí sửa chữa tuyến đường tại tổ 3, khu phố 8 phường Long Hưng theo VB/UBND D-KTNS ngày/6/202 6 (STC đang trình tại VB 1299)	Bổ sung kinh phí cho Tiểu đội, Trung đội dân quân trực Khu công nhiệp theo theo QĐ4473/J QĐ- UBND- KTNS ngày 29/5/2026	Bổ sung kinh phí cải tạo, sửa chữa Chợ sặt và xây dựng chợ tạm phường Long Bình theo VB/UBND ngày/6/202 6 (STC đang trình tại VB 1389)	Phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện chi chế độ chính sách cho người có công với cách mạng đợt 2 - năm 2026 theo Quyết định số/QĐ- UBND ngày/06/20 26 của UBND tỉnh (STC đang trình tại 283/TTtr)	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 47/QĐ- STC ngày 04/06/2026 của STC	Bổ sung kinh phí quy hoạch cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số/QĐ- UBND ngày/6/20 26 của UBND tỉnh (STC đang trình tại VB 233/TTtr)	Bổ sung kinh phí cho phường Long Hưng theo VB 868/UBND D-KTNS ngày 15/5/2026	Bổ sung kinh phí tổ chức Lễ công bố quyết định xếp hạng Đi tích quốc gia tho Vb/U BND- KTNS ngày..... /6/2026 (STC đang trình tại VB 1466)	Bổ sung kinh phí cho các phường, xã còn thiếu sơ với dự toán giao đầu năm					
50	Nha Bích	29.438	4.541	3.853	730	0	2.440	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	82	119	0	0	0	0	0	7.674			
51	Nhon Trạch	51.888	8.441	10.205	2.987	0	4.759	0	0	260	0	0	0	0	3.080	0	5.000	4.995	0	0	0	0	141	0	4.486	0	2.002	0	-1.283	0	0	0	6.817		
52	Phú Hòa	35.072	3.281	5.531	404	0	2.714	0	0	0	0	0	0	0	0	6.346	3.000	7.000	0	0	0	0	0	0	0	0	688	0	-598	0	0	0	3.706		
53	Phú Lâm	43.132	4.241	7.928	398	0	3.130	0	0	0	0	0	0	0	2.698	266	5.000	5.000	0	0	0	10.000	0	160	0	0	76	0	-478	0	0	0	4.713		
54	Phú Lý	22.427	2.321	4.050	312	0	1.957	0	0	0	0	0	0	0	0	666	0	9.977	0	0	0	0	29	0	0	0	42	0	-361	0	0	0	3.435		
55	Phú Nghĩa	40.295	2.561	4.837	299	0	3.805	0	0	0	0	0	0	0	1.352	0	950	9.050	0	0	0	0	0	0	0	0	260	0	-679	600	0	0	17.259		
56	Phú Riêng	32.531	6.281	4.414	1.602	0	2.365	0	0	253	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0	29	0	0	705	0	-1	4.859	0	0	0	2.026		
57	Phú Trung	22.264	1.721	2.967	452	0	2.551	0	0	1.378	0	0	0	0	0	0	4.500	5.500	0	0	0	0	29	0	0	235	0	-603	0	0	0	0	3.535		
58	Phú Vinh	34.448	1.661	5.360	285	0	2.735	0	0	0	0	0	0	0	0	9.206	2.202	7.781	0	0	0	0	0	0	0	241	0	-992	552	0	0	0	2.418		
59	Phước An	43.738	3.761	5.481	919	0	2.649	7.894	0	0	0	0	0	0	0	827	4.300	5.700	0	0	0	0	950	0	4.486	0	854	0	-270	0	0	0	6.188		
60	Phước Bình	35.702	3.401	5.406	1.076	0	3.079	0	0	2.656	0	0	0	0	0	0	2.900	7.100	0	0	0	0	64	0	0	409	0	-454	0	0	0	0	10.065		
61	Phước Long	34.617	5.441	5.768	1.267	0	2.353	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7.200	2.800	0	0	0	0	0	347	0	0	302	0	-388	0	0	0	9.527		
62	Phước Sơn	42.616	2.621	5.080	527	0	2.812	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.200	7.800	0	0	0	0	57	0	0	251	312	0	559	0	0	0	20.397		
63	Phước Tân	43.671	7.781	3.559	1.520	0	2.401	12.343	0	152	0	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0	0	0	0	615	0	-586	0	0	0	5.887		
64	Phước Thái	36.739	6.881	6.234	1.427	0	3.736	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9.995	0	0	0	0	2.000	0	57	0	4.486	0	674	0	-1.358	0	0	0	2.607
65	Sông Ray	36.640	5.681	8.105	827	0	2.641	0	0	242	0	0	0	0	0	0	0	9.880	0	0	0	0	0	29	0	0	306	0	-483	0	0	0	9.413		
66	Tà Lài	37.926	5.201	5.928	457	0	3.509	0	0	0	0	0	0	0	0	1.976	1.929	5.000	5.000	0	0	0	5.000	0	42	0	0	582	0	-1.033	0	0	0	4.335	
67	Tam Hiệp	70.858	28.481	8.533	10.289	0	5.661	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0	123	0	0	2.123	0	-2.032	0	0	0	7.680		
68	Tam Phước	29.785	7.301	3.348	2.464	0	3.358	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.110	2.700	0	0	0	0	29	0	4.486	0	671	0	-1.656	0	0	0	1.975		
69	Tân An	29.819	5.081	5.884	780	0	2.801	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.188	4.774	0	0	0	0	29	0	0	986	0	-484	0	0	0	0	4.781		
70	Tân Hưng	28.906	3.041	3.716	876	0	2.288	0	0	564	0	559	0	0	0	0	6.500	3.500	0	0	0	0	99	0	0	265	254	0	0	0	82	7.162			
71	Tân Khai	41.118	7.361	3.238	944	0	3.502	148	0	0	36	0	0	0	0	0	5.600	4.400	0	0	0	0	1.068	0	0	336	389	0	4.069	0	0	0	10.025		
72	Tân Lợi	20.770	1.121	3.882	384	0	1.845	0	0	0	0	0	0	0	0	1.136	0	8.500	1.500	0	0	0	0	0	0	20	0	-297	486	0	0	0	2.193		
73	Tân Phú	55.213	7.841	6.772	1.184	0	3.657	0	0	0	0	0	0	0	2.837	2.763	5.050	4.950	0	0	0	9.000	0	29	0	0	1.107	0	-1.173	4.214	0	0	6.983		
74	Tân Quan	30.238	4.541	4.054	1.560	0	2.297	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.700	6.300	0	0	0	0	57	0	0	285	255	0	0	0	0	0	7.189		
75	Tân Tiến	55.829	4.481	4.459	611	0	2.343	0	0	229	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0	29	0	0	529	0	-269	0	0	9	33.409			
76	Tân Triều	61.714	19.721	9.046	6.619	0	5.040	0	0	4.557	0	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	225	0	4.486	0	355	0	-1.891	0	0	0	3.556		

STT	Đơn vị	Bao gồm																															
		Tổng cộng bổ sung có mục tiêu trong 06 tháng đầu năm 2025	Phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện chỉ chế độ chính cách mạng năm 2026 theo Quyết định số 250/QĐ- UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh	Phân bổ kinh phí thực hiện chuyển giao Trạm Y tế xã, phương thuộc Trung tâm Y tế khu vực về thực tế ưu tiên ban nhân dân xã, phương quản lý năm 2026 theo Quyết định số 282/QĐ- UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho ngân sách phương, xã để thực hiện chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2026 theo Quyết định số 346/QĐ- UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh	Hỗ trợ kinh phí trang trí đường hoa Xuân Bình Ngọ năm 2026 tại phường Bình Phước theo Công văn số 1759/U BND- KTNS ngày 02/02/2 026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 64/QĐ- UBND ngày 10/02/2026 của Sở Tài chính	Bổ sung kinh phí cho phường Trần Biên để thanh toán tiền bao hành các trình: Tạo điểm nhân kết hợp trang trí đèn tuyệt tại một số tuyến đường giao thông trên địa bàn TP. Biên Hòa cũ theo Công văn số 1239/UBND -KTNS ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí biên chế theo Nghị định số 154/2025/ ND-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 922/QĐ- UBND ngày 17/3/20 26 của UBND tỉnh -	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 1520/Q Đ- UBND ngày 17/3/20 26 của UBND tỉnh -	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 205/QĐ- UBND ngày 17/4/20 26 của UBND tỉnh -	Bổ sung kinh phí lập quy hoạch cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 04/2026/ UBND ngày 20/5/QĐ- UBND ngày 15/5/2026 của UBND thành phố -	Bổ sung kinh phí Đề án và nghị vụ đối với khả biến sơ, tài liệu đã được thống kê của cơ quan, tổ chức trước khi sắp xếp tổ các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số 105/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí Đề án vốn theo Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 26/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án Duy tu, sửa chữa, đảm bảo hàng tàng giáo thông học theo Quyết định số 103/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án Duy tu, sửa chữa, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo Quyết định số 104/QĐ- UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố	Bổ sung kinh phí sửa chữa, cải tạo các trường xã Bù Điêng theo VB số 6533/UB ND- KTNS ngày 22/4/2026	Bổ sung kinh phí sửa chữa, cải tạo các trường xã Bù Điêng và xã Nghĩa Trung theo VB số 461/UBND D-KTNS ngày 11/5/2026	Bổ sung kinh phí sửa chữa, cải tạo các trường xã Bù Điêng theo VB số 2289/U BND- KTNS ngày 04/6/20 26	Bổ sung kinh phí công trình phục lợi bổ trợ các xã đạt chuẩn nông năng mới thôn mới kiểu mẫu theo QĐ 1767/QĐ- UBND ngày 20/10/202 5 và QĐ 3379/QĐ- UBND ngày 30/12/202 5	Bổ sung kinh phí sửa chữa tuyến đường Là Gạch - cầu nước Trong tại ấp 5, ấp 7 xã An Phước theo VB số/UB ND- KTNS ngày/6/20 26 (STC đang trình tại VB 1542)	Bổ sung kinh phí để thực hiện quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, các địa tích hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố được giao cho UBND các xã, phường quản lý theo VB số/UBND -KTNS ngày/6/2026 (STC đang trình tại VB 115/TT)	Bổ sung kinh phí sửa chữa tuyến đường tại tổ 3, khu phố 8 phường Long Hưng theo VB số/UBND D-KTNS ngày/6/202 6 (STC đang trình tại VB 1299)	Bổ sung kinh phí cho Tiểu đội, Trung đội dân thường công nhiệm theo QĐ473/ QĐ- UBND ngày/6/202 6 (STC đang trình tại VB 1389)	Bổ sung kinh phí cải tạo, sửa chữa Chợ sắt và xây dựng chợ tạm phương Long Bình theo VB số/UBND D-KTNS ngày/6/202 6 (STC đang trình tại VB 1389)	Phân bổ kinh phí cho các xã, phường để phục hiện chỉ chế độ chính sách cho người có công với cách mạng đạt 2 - năm 2026 theo Quyết định số/QĐ D-UBND ngày/06/20 26 của UBND tỉnh (STC đang trình tại 283/TT)	Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để phục vũ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 47/QĐ- STC ngày 04/06/2026 của STC	Thu hồi kinh phí cho các xã, phường để phục vũ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 47/QĐ- STC ngày 04/06/2026 của STC	Bổ sung kinh phí quy hoạch cho các xã, phường năm 2026 theo Quyết định số/QĐ D-UBND ngày/6/20 26 của UBND tỉnh (STC đang trình tại VB 233/TT)	Bổ sung kinh phí cho phường Long Hưng theo VB số 868/UBND D-KTNS ngày 15/5/2026	Bổ sung kinh phí tổ chức Lễ công bố quyết định xếp hạng Di tích quốc gia theo thực thi	Bổ sung kinh phí cho các phường, xã còn thiếu so với điều toán đầu năm	
77	Thanh Sơn	52.019	2.681	4.730	343	0	2.540	0	0	0	0	0	483	19.715	5.020	4.957	0	0	0	0	2.000	0	0	0	48	0	-860	516	0	0	9.845		
78	Thiện Hưng	44.895	6.881	4.530	906	0	2.379	0	0	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0	0	0	58	0	0	684	28	0	0	0	19.429	
79	Thọ Sơn	27.637	1.841	5.402	615	0	2.573	0	0	0	0	0	0	0	0	6.600	3.400	0	0	0	0	0	57	0	0	1.082	286	0	0	0	13	5.768	
80	Thống Nhất	56.633	3.521	8.016	793	0	3.019	0	0	0	0	0	0	24.516	0	10.000	0	0	0	0	3.000	0	0	0	0	286	0	-309	0	0	0	3.792	
81	Thuận Lợi	29.526	4.241	4.332	1.131	0	2.695	0	0	0	0	0	0	0	0	5.049	4.951	0	0	0	0	0	421	0	0	280	0	-715	0	0	0	7.142	
82	Trần Biên	109.373	31.481	10.998	17.162	0	5.940	1.351	413	0	0	0	11.049	0	0	0	9.959	0	0	0	0	0	1.985	0	4.486	0	2.588	0	-1.178	0	0	0	13.140
83	Trảng Bom	54.592	13.361	7.895	2.808	0	3.239	0	0	0	0	0	0	0	0	3.902	6.098	0	0	0	4.000	0	442	0	4.486	0	883	0	-502	0	0	0	7.981
84	Trảng Dài	73.473	21.281	5.814	4.950	0	3.926	6.795	0	0	0	6.940	0	0	0	0	9.500	0	0	0	0	0	466	0	0	1.424	0	-1.078	0	0	0	13.454	
85	Trị An	36.475	10.361	7.642	2.101	0	3.337	0	211	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0	57	0	0	1.051	0	-723	0	0	0	0	2.439	
86	Xuân Bắc	37.602	4.181	4.912	639	0	4.549	0	0	0	0	0	0	6.016	0	9.947	0	0	0	3.000	0	0	0	0	388	0	-1.903	664	0	0	0	5.210	
87	Xuân Định	26.206	3.761	5.404	561	0	2.313	0	0	0	0	0	0	0	0	5.074	4.926	0	0	0	0	128	0	0	312	0	0	0	0	0	0	3.729	
88	Xuân Đông	36.907	6.521	5.360	826	0	3.563	0	0	0	0	0	0	874	0	9.930	0	0	0	0	0	0	0	0	550	0	-784	663	0	0	0	9.404	
89	Xuân Đường	30.367	2.501	4.258	975	0	2.107	0	0	0	0	0	1.509	602	2.626	7.374	0	0	2.000	0	29	0	0	147	0	-299	0	0	0	0	0	6.539	
90	Xuân Hòa	57.597	6.641	8.291	926	0	3.319	0	0	271	0	0	0	0	1.768	8.232	0	0	0	6.000	0	113	0	4.486	0	622	0	-349	980	0	0	16.298	
91	Xuân Lập	30.425	2.081	2.778	1.026	0	2.324	0	0	0	0	0	9.341	0	0	9.050	950	0	0	0	0	29	0	0	241	0	-391	0	0	0	2.997		
92	Xuân Lộc	61.210	16.721	11.455	2.212	0	4.326	0	0	0	0	0	0	4.028	0	7.000	0	0	0	6.800	0	57	0	1.084	0	-1.280	4.231	0	0	0	4.576		
93	Xuân Phú	28.427	4.001	4.258	428	0	3.043	0	138	0	0	0	0	0	2.800	7.200	0	0	3.200	0	79	0	174	0	-990	473	0	0	0	3.623			
94	Xuân Quế	27.654	2.681	3.834	1.578	0	2.439	0	250	0	0	0	1.066	0	9.000	1.000	0	0	0	0	0	0	274	0	-487	1.552	0	0	0	4.468			
95	Xuân Thành	25.252	2.321	4.051	363	0	2.996	0	0	0	0	0	0	0	5.293	4.707	0	0	0	3.000	0	61	0	144	0	-417	472	0	0	0	2.262		